TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2023.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư kýTòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kiều L, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký HKTT: Bản Cái (nay là Bản Đ), xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT: Bản Cái (nay là Bản Đ), xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Tống Thị T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Xóm B, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trương Thị Kiều L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, khoảng đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng do anh T chơi bời, không chăm lo đời sống gia đình, đánh đập chị nhiều lần.Từ tháng 8 năm 2020 chị và anh T đã sống ly thân. Tháng 12 năm 2020 chị L đi Nhật Bản làm việc và từ đó đến nay giữa chị và anh T không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Chị L xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về địa chỉ hiện nay của anh T (ở nước ngoài) chị L chỉ biết anh T làm việc tại Đ, Đài Loan và không biết địa chỉ cụ thể nên chị L không thể cung cấp địa chỉ cư trú hiện nay của anh T cho Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương Nhã U, sinh ngày 15/01/2018, hiện nay con chung đang ở cùng ông bà nội tại xóm B (nay là xóm B), xã Ô, huyện P, khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao con cho anh T và bố mẹ chồng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị không cần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Tống Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm B, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T xác định: Hiện nay anh T vẫn đang làm việc tại Đài Loan, anh T thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại để trao đổi thông tin, về địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan, gia đình không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Sau khi nhận các văn bản của Toà án, gia đình bà T1 có thông tin cho anh T biết về việc chị L có đơn xin ly hôn với anh T. Tại buổi làm việc ngày 28/11/2023 bà T1 là mẹ đẻ của anh T cho biết anh T có thông tin về cho gia đình như sau: Anh T đi lao động tại Đài Loan từ tháng 10 năm 2022. Về quan hệ hôn nhân, anh T nhất trí ly hôn với chị L. Về con chung, anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương Nhã U, sinh ngày 15/01/2018, hiện nay cháu U đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn V và bà Tống Thị T1, anh nhất trí quan điểm của chị L giao cho anh trực tiếp chăm sóc con chung, trong thời gian anh chưa về Việt Nam anh T ủy quyền cho bố mẹ đẻ của anh chăm sóc cháu U vì hiện nay cháu U đang học tại trường mầm non X, huyện P, còn chị L đang đi lao động tại Nhật Bản. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung anh T không đề nghị giải quyết. Hiện nay anh T đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Bà Tống Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T, từ năm 2020 chị L đi Nhật Bản, cháu U con anh T, chị L vẫn ở cùng ông bà từ đó đến nay, nay anh T và chị L ly hôn, bà Thu n ủy quyền của anh T thay mặt anh T chăm sóc cháu U trong thời gian anh T vắng nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kiều L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Phương Nhã U, sinh ngày 15/01/2018 cho anh T (người được anh T ủy quyền là bà Tống Thị T1) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên không xem xét. Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Kiều L là nguyên đơn và anh Nguyễn Văn T là bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại Bản C (nay là Bản Đ), xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay chị L đang sống tại Nhật Bản, anh T đang sinh sống tại Đài Loan. Tài liệu chị L gửi về Việt Nam gồm đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, hộ chiếu, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Đ tại Nhật Bản. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của chị L nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của chị L.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Anh T đang sống ở nước ngoài không cung cấp địa chỉ cho nguyên đơn và đại diện thân nhân của anh T biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L và anh T đều xác định: Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân. Chị L hiện đang làm việc tại Nhật Bản, anh T đi lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng có khoảng cách địa lý ở xa nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng. Chị L làm đơn ly hôn anh T nhất trí ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phương Nhã U, sinh ngày 15/01/2018, hiện nay con chung đang ở ông bà nội là Tống Thị T1 tại xóm B, xã Ô, huyện P. Chị L và anh T đều nhất trí giao con cho anh T chăm sóc, trong thời gian anh T chưa về Việt Nam thì giao cháu U cho bà Tống Thị T1 trực tiếp chăm sóc cháu U. Bà T1 nhất trí. Hội đồng xét xử thấy; thực tế con chung của chị L và anh T từ khi sinh ra đến nay đang ở cùng ông bà nội là bà Tống Thị T1, hiện nay chị L và anh T đều đi lao động tại nước ngoài do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho con khi cha mẹ ly hôn, ghi nhận ý kiến của chị L về việc giao con chung cho anh T (người được ủy quyền là bà Tống Thị T1) trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương Nhã U đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L và anh T không yêu cầu nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; 39; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Kiều L đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương Nhã U, sinh ngày 15/01/2018 cho anh Nguyễn Văn T (người được ủy quyền là bà Tống Thị T1) trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương Nhã U đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị L do anh T không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trương Thị Kiều L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000005 ngày 06/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trương Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- CụcTHADS tỉnh TN;
- UBND xã Ôn Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương